

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5 - 2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;

2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tô Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Tr Th, xã N M, huyện N Tr, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Ch C 2, xã Th Q, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị D, anh T. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2022, bản tự khai ngày 28/12/2022 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị D trình bày:

Chị và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th Q, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng hay chửi bới xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mặt khác vợ chồng không sống gần nhau nên tình cảm vợ chồng

cũng bị phai nhạt. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan M Kh, sinh ngày 17/10/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị D. Ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2023 anh Phan Văn T trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị D tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th Q, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/02/2017. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cô D có những mối quan hệ không lành mạnh, thiếu chung thủy, anh T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng cô D không nghe. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng năm 2019 đến nay. Nay cô D làm đơn xin ly hôn, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan M Kh, sinh ngày 17/10/2018. Ly hôn do con quá nhỏ nên anh T đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T đồng ý không cấp dưỡng nuôi con chung, anh T sẽ cho con theo cách của anh T.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo Bộ luật Tố tụng dân sự hợp lệ cho anh Phan Văn T, nhưng anh T không đến Tòa án. Vì vậy Tòa án không tiến hành tổ chức phiên hòa giải giữa chị D và anh T được, thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo khoản 1 điều 207 Bộ luật TTDS

Tại phiên tòa vắng mặt chị D, anh T. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Phan Văn T, về con chung chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phan M Kh, sinh ngày 17/10/2018, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chị D không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: đề nghị xử cho chị Trịnh Thị D được ly hôn anh Phan Văn T.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Phan M Kh, sinh ngày 17/10/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn T, anh T có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn Ch C 2, xã Th Q, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Trịnh Thị D và anh Phan Văn T đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ. Anh Phan Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị D và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th Q, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/6/2019 và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được gần 02 năm, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau, anh T cho rằng chị D có những mối quan hệ không lành mạnh, nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị D đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn T. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị D, anh T đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan M Kh, sinh ngày 17/10/2018. Quá trình giải quyết vụ án chị D, anh T đều có quan điểm đề nghị giao cháu Phan M Kh, sinh ngày 17/10/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Như vậy căn cứ vào nguyện vọng của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Phan M Kh lâu nay ở với chị D ổn định. Vì vậy giao cháu Phan M Kh cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ, song quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung của chị D là hoàn toàn tự

nguyên. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy thấy giao cháu Phan M Kh, sinh ngày 17/10/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị D, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 228; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị D ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Phan M Kh, sinh ngày 17/10/2018 cho chị Trịnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị D phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006098 ngày 28/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. (Chị D đã nộp đủ án phí).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị D, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND huyện Thiệu Hóa,
- TAND tỉnh Thanh Hóa,
- UBND xã Th Q;
- Chi cục thi hành án dân sự Thiệu Hóa,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đạt